TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **276**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2019
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Châu Vũ Bình**
2. Ông **Trương Hoàng Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:* ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp " Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Trúc A, sinh năm 1983.**

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn B, sinh năm 1975.**

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

(chị A, anh B và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị A trình bày:*

Chị và anh B do tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114 ngày 29/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ít gần gũi, quan tâm nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm nên anh chị đã ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị A yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị A, anh B có 02 con chung tên Trần Lê C, sinh ngày 16/01/2011 hiện đang sống cùng anh B và Trần Lê D, sinh ngày 18/8/2017, hiện đang sống cùng chị A. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, giao cháu C cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị A trình bày anh, chị sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị mai có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Tại bản tự khai, anh B trình bày: Anh B thống nhất với chị A về thời gian chung sống, kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng dẫn đến ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay anh B đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung: Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Lê C, giao Trần Lê D cho chị A nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: anh và chị A sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Trúc A, bị đơn Trần Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A, anh B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2010. Anh chị có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 114 ngày 29/12/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A xin ly hôn với anh B nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp xin ly hôn" được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh chị mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A xin ly hôn, anh B cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị A có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị A và anh B có 02 con chung tên Trần Lê C, sinh ngày 16/01/2011 và Trần Lê D, sinh ngày 18/8/2017. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu C cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu C hiện đang sống cùng anh B, cháu D đang sống cùng chị A, tại bản tự khai, anh B đồng ý giao cháu D cho chị A nuôi dưỡng, anh sẽ nuôi dưỡng cháu C. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử cần giao cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, giao cháu C cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Anh B, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Chị A trình bày anh, chị sẽ tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị A, anh B trình bày anh chị không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị A, anh B có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

[9**]** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Trúc A.

1. **Về hôn nhân**: Chị Lê Thị Trúc A được ly hôn với anh Trần Văn B

2. **Về con chung**:

Chị Lê Thị Trúc A được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Lê D, sinh ngày 18/8/2017.

Anh Trần Văn B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Lê C, sinh ngày 16/01/2011.

Chị Lê Thị Trúc A, anh Trần Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Trúc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0015340 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

4. Chị A, anh B có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lõu hoà sô.